

Số 2544 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 15 tháng 11 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình cấp nước
sinh hoạt tập trung xã Tân Khai, huyện Hớn Quản**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1103/TTr-SKHĐT ngày 09/11/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Khai, huyện Hớn Quản, nội dung cụ thể như sau:



1. **Tên công trình:** Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Khai, huyện Hớn Quản.

2. **Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và PTNT.

3. **Tổ chức tư vấn lập Báo cáo KTKT:** Công ty cổ phần Tư vấn và Xây dựng Hòa Bình.

4. **Chủ nhiệm lập Báo cáo KTKT:** KS. Lê Thị Cần.

5. **Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Khai nhằm:

- Cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho 350 hộ dân (khoảng 1.520 người) dọc Quốc lộ 13 và khu vực trường học, các cơ quan hành chính, các cơ sở kinh doanh, sản xuất thuộc khu vực Trung tâm xã Tân Khai.

- Cải thiện môi trường sống và sức khỏe cho nhân dân, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân trong vùng.

- Tạo tập quán sử dụng nước sạch của người dân, nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của nhân dân trong công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên nước, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển.

6. **Nội dung, quy mô đầu tư, công suất thiết kế:**

6.1. Nội dung, quy mô đầu tư: Xây dựng 01 hệ thống cấp nước tập trung, gồm các hạng mục chủ yếu như sau:

a) Công trình đầu mối:

- Trạm bơm cấp 1: Gồm 03 máy bơm, hoạt động luân phiên nhau, sử dụng loại bơm chìm, bơm nước từ hồ Bàu Úm đến hệ thống xử lý vào bể chứa nước, mỗi bơm có lưu lượng bơm $Q=15\text{m}^3/\text{h}$, cột nước cao $H=22\text{m}$, công suất $N=2,2\text{KW}$.

- Trạm bơm cấp 2: Gồm 03 máy bơm, hoạt động luân phiên nhau, sử dụng loại bơm li tâm trục ngang, bơm nước từ bể chứa nước lên đài; mỗi bơm có lưu lượng bơm $Q=15\text{m}^3/\text{h}$, cột nước cao $H=20\text{m}$, công suất $N=2,2\text{KW}$.

- Bể chứa nước sạch: Dung tích 130m^3 , loại bể nửa nổi, nửa chìm, kết cấu bể bằng BTCT đá 1x2 M250, tường dày 20cm, đáy dày 25cm, phía trong và ngoài quét bitum chống thấm 3 lớp; kích thước bể: dài 12m, rộng 6m, cao 2,5m; đặt âm dưới mặt đất 2/3 chiều cao bể.

- Đài nước: Cao 12,5m, khung thép hình, móng BTCT đá 1x2 M200. Bồn chứa nước bằng inox, dung tích 20m^3 , dày 1,2mm.

- Hệ thống xử lý nước: Thiết bị ô xy hóa được làm bằng inox, dày 3mm, đường kính $d=0,8\text{m}$, chiều cao $h=2,3\text{m}$; bể lọc áp lực bằng inox, đường kính $d=0,8\text{m}$, chiều cao $h=2,3\text{m}$, móng BTCT đá 1x2 M200.

- Nhà quản lý, vận hành: Nhà cấp IV, diện tích 51m^2 . Kết cấu: móng, cột, đà kiềng bằng BTCT; tường xây gạch; nền lát gạch ceramic; cửa đi và cửa sổ khung sắt kính.

- Hồ van xả cạn và hồ van xả khí: Kết cấu móng BT đá 1x2 M150, tường xây gạch thẻ, số lượng 10 hồ.

- Nguồn điện cho công trình: Đầu tư xây dựng đường dây trung thế và TBA 1x25 KVA, tổng chiều dài đường dây trung thế 679m.

- Công và tường rào: Tổng chiều dài khoảng 114m, cao 2,35m. Kết cấu trụ BTCT M200, móng xây đá chẻ, tường mặt trước và mặt bên phải bằng song sắt, hai mặt còn lại xây gạch ống; cửa ra vào khu xử lý làm bằng sắt.

b) Hệ thống tuyến ống:

- Tuyến ống nước thô: Tổng chiều dài 216,9m bằng vật liệu STK D80.

- Tuyến ống phân phối nước chính: Tổng chiều dài 11.497m, bao gồm các loại ống như sau:

+ Ống PVC D200: 2.049m;

+ Ống PVC D100: 2.727m;

+ Ống PVC D40: 6.721m.

- Tuyến ống nước của các hộ dân: Từ đai khởi thủy đến khóa, van cấp nước đến từng hộ dân tổng chiều dài khoảng 22.400m.

6.2. Công suất thiết kế: 276m³/ngày đêm.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Tân Khai, huyện Hớn Quản.

8. Diện tích sử dụng đất: Trạm xử lý và 11.497m tuyến đường ống nước chiếm khoảng 8.600m².

9. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước), cấp IV.

10. Phương án xây dựng: Xây dựng mới.

11. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Khu nhà trạm: Khu nhà trạm chiếm diện tích khoảng 50m² thuộc phạm vi khu đất mặt bằng của hệ thống thủy lợi Bàu Úm nên không phải thu hồi đất.

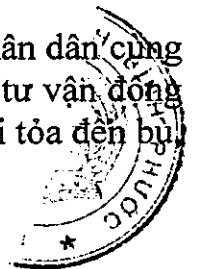
- Tuyến đường ống: Đất xây dựng tuyến đường ống thuộc hành lang lộ giới Quốc lộ 13, phần diện tích đất xây dựng công trình đã được UBND xã Tân Khai cam kết vận động nhân dân địa phương cho thi công tuyến ống, thi công đến đâu sẽ tiến hành hoàn trả mặt bằng đến đó.

Công trình cấp nước chủ yếu phục vụ dân sinh, nhà nước và nhân dân cùng làm, việc giải phóng mặt bằng được UBND xã phối hợp với chủ đầu tư vận động hộ dân dọc tuyến ống đi qua cùng thực hiện và không tính chi phí giải tỏa đền bù, không có hộ dân nào mất đất nên không phải bố trí tái định cư.

12. Tổng mức đầu tư: **8.814.885.549 đồng**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	6.404.512.345 đồng
- Chi phí thiết bị:	879.698.687 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	121.927.340 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	687.259.293 đồng
- Chi phí khác:	121.042.318 đồng
- Chi phí dự phòng:	600.445.566 đồng



13. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia NS và VSMTNT và vốn phòng chống, khắc phục hậu quả hạn hán: 6.604.885.549 đồng, chiếm 74,93%.

- Vốn nhân dân đóng góp: 2.210.000.000 đồng, chiếm 25,07% (thực hiện đầu tư từ điểm khởi thủy trên các tuyến đường ống nhà nước đầu tư tới hộ sử dụng nước).

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2011 - 2012.

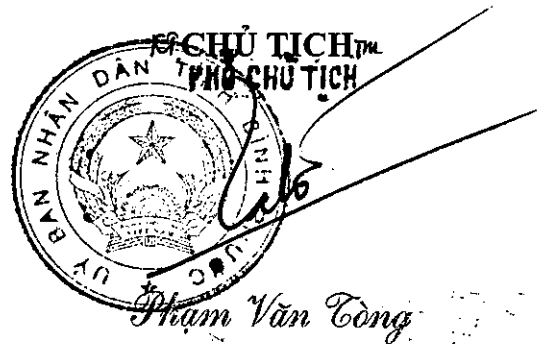
16. Kế hoạch đấu thầu: Bảng kế hoạch đấu thầu kèm theo.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và PTNT là chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện tốt dự án theo các nội dung đã phê duyệt tại Điều 1.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản, chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTTH, KTN;
- Lưu: VT (Nghĩa: 14.11). 8 2



KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU

Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Khai, huyện Hớn Quản
(Kèm theo Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 15/11/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên gói thầu	Giá/gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I	Xây lắp		Vốn Chương trình MTQG nước sạch và VSMTNT và vốn phòng chống, khắc phục hậu quả hạn hán				
1	Gói thầu số 1: Xây dựng và lắp đặt thiết bị (bao gồm cả vận thành chạy thử, trừ hạng mục đường điện) công trình hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Khai, huyện Hớn Quản	4.887.921.216		Chỉ định thầu	Năm 2011	Theo đơn giá cố định	270 ngày
2	Gói thầu số 2: Xây dựng và lắp đặt hạng mục đường điện công trình hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung xã Tân Khai, huyện Hớn Quản	212.307.816		Chỉ định thầu	Năm 2011	Theo đơn giá cố định	60 ngày
II	Mua sắm hàng hoá						
	Bảo hiểm công trình	16.854.222		Chỉ định thầu	Năm 2011	Trọn gói	Theo thời gian thi công
III	Dịch vụ tư vấn						
1	Giám sát thi công gói thầu xây lắp số 1	87.774.791		Chỉ định thầu	Năm 2011	Theo tỷ lệ %	Theo thời gian thi công
2	Giám sát thi công gói thầu xây lắp số 2	4.757.527		Chỉ định thầu	Năm 2011	Trọn gói	Theo thời gian thi công
3	Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng của công trình	30.721.177	Chỉ định thầu	Năm 2011	Theo đơn giá cố định	Theo thời gian thi công	
4	Kiểm toán công trình	37.875.200	Chỉ định thầu	Năm 2012	Trọn gói	30 ngày	